

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK diễn biến giằng co

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

HĐTL F2004 tiếp tục có phiên giảm điểm với thanh khoản ở mức cao

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

PPC, PVD

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh tại vùng giá thấp, mở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiến tới vùng hỗ trợ đề cập.

31/03/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	662.53	+0.04
VN30	610.76	-0.37
HĐTL VN30	578.70	-0.74
HNXIndex	92.64	-0.69
HNX30	167.89	-0.61
UPCoM	47.74	+0.23
USD/VND	VND23,637	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.41	-0
Lãi suất qua đêm (%)	2.20	+26
Dầu (WTI, \$)	20.09	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,614.80	-0.48



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 662.53 (+0.04%)
KLGD (triệu CP) 228.3 (+21.9%)
GTGD (triệu US\$) 159.7 (+9.7%)

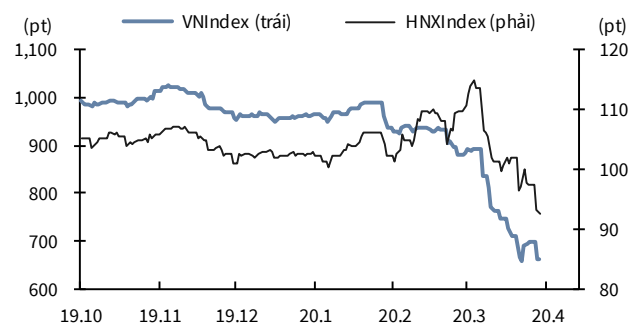
HNXIndex 92.64 (-0.69%)
KLGD (triệu CP) 49.6 (+24.9%)
GTGD (triệu US\$) 14.3 (-5.6%)

UPCoM 47.74 (+0.23%)
KLGD (triệu CP) 12.8 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$) 4.1 (-9.3%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -17.6

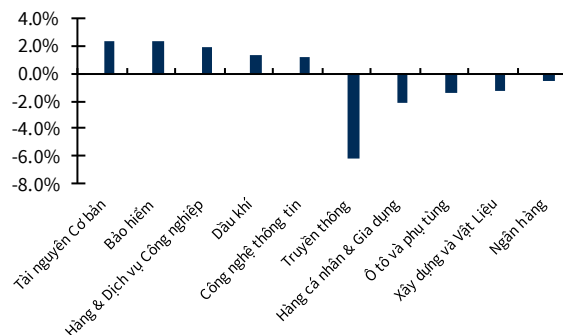
Lo ngại TTCK đóng cửa sau Chỉ thị của Thủ tướng công bố vào giờ nghỉ trưa về việc cách ly toàn xã hội, áp lực bán gia tăng đột ngột trên TTCK Việt Nam ngay đầu phiên chiều, trước khi hồi phục và đóng cửa ở mức tăng nhẹ nhờ thông tin từ UBCK cho biết TTCK là dịch vụ thiết yếu và sẽ được đảm bảo hoạt động bình thường trong suốt thời gian cách ly. Trước đó, trong phiên giao dịch sáng, TTCK Việt Nam diễn biến tương đối khởi sắc nhờ các dự báo tích cực của World Bank về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2020 và 2021, lần lượt ở mức 4.9% và 7.5%. Lệnh phong tỏa của Thủ tướng tiếp tục tạo áp lực điều chỉnh lên nhóm cổ phiếu bán lẻ hàng hóa không thiết yếu như MWG (-1%), PNJ (-2.9%)... Nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến phân hóa với VCB (+1.6%), TCB (+0.7%)... tăng điểm, trong khi VPB (-6.9%), TPB (-6.8%)... giảm sàn trước các lo ngại của lệnh phong tỏa tác động mạnh đến phân khúc tín dụng tiêu dùng, chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn thu ở các ngân hàng này. HPG (+3.1%) tiếp tục có phiên tăng mạnh trước thông tin doanh nghiệp thông qua kế hoạch mở rộng dự án Dung Quất. Nhóm cổ phiếu xuất khẩu như dệt may TCM (-1.3%), TNG (-3.7%)... và thủy sản như VHC (-2.8%), MPC (-2.7%)... tiếp tục diễn biến tiêu cực hơn thị trường chung. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị lớn, tập trung ở MSN (-0.2%), VIC (+2.46%), VNM (-0.22%).

VN Index & HNX Index



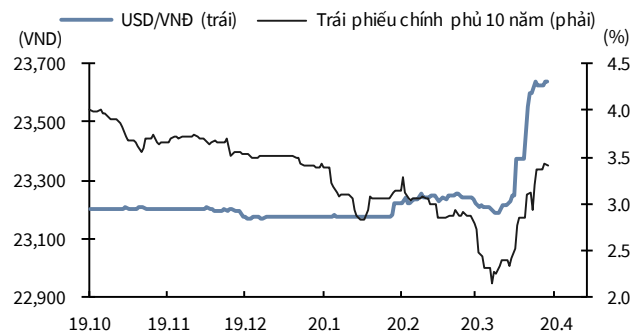
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



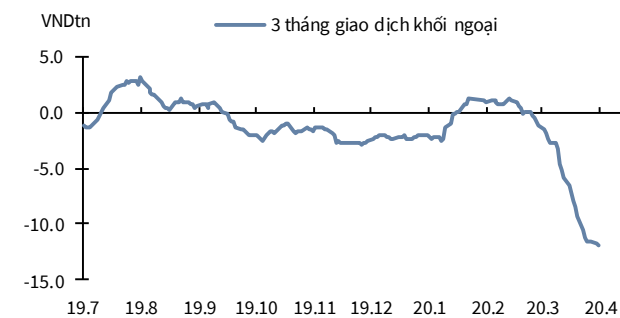
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

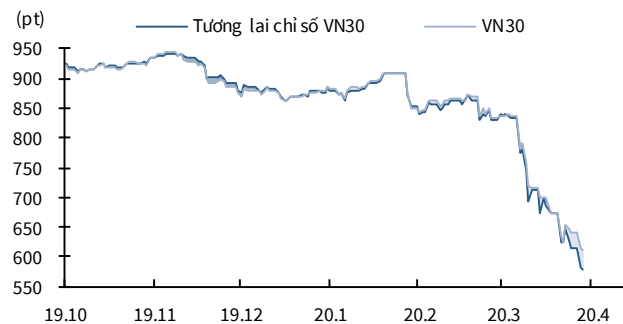
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **610.76 (-0.37%)**
VN30 tương lai **578.7 (-0.74%)**
Mở cửa **592.0**
Cao nhất **602.7**
Thấp nhất **560.0**

Hợp đồng **228,169 (+12.2%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

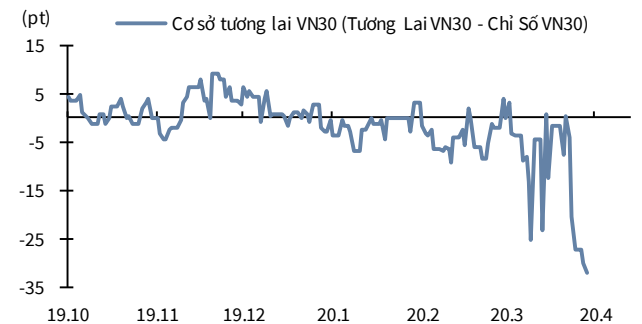
HĐTL F2004 tiếp tục có phiên giảm điểm với thanh khoản ở mức cao. Với việc HĐ này giảm mạnh hơn so với chỉ số VN30 Index, chênh lệch âm tiếp tục được nới rộng lên -32 điểm, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Đáng chú ý, giao dịch ở các HĐ kỳ hạn dài tiếp tục sôi động hơn thường thấy. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch với khối lượng ở mức thấp, mua ròng nhẹ ở cả F2004 và F2005.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



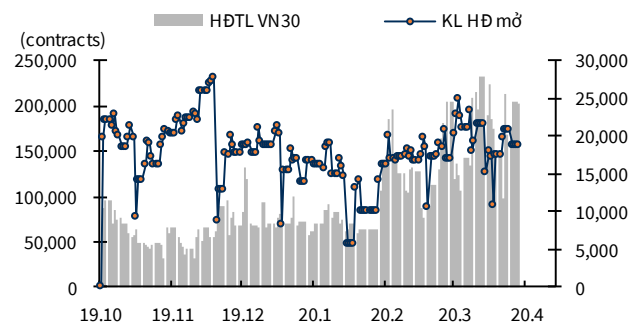
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



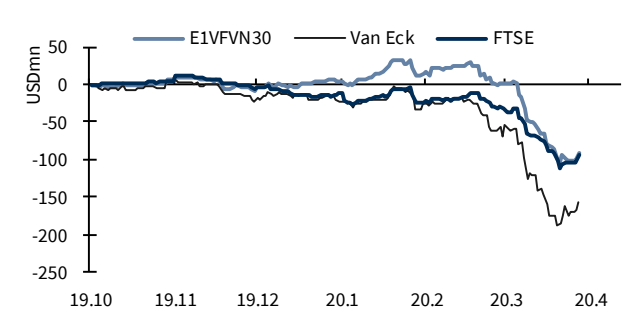
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

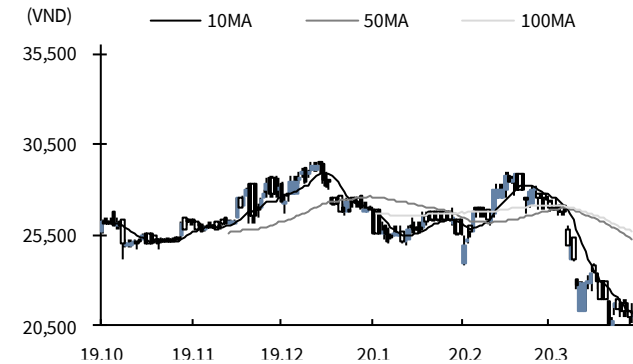
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

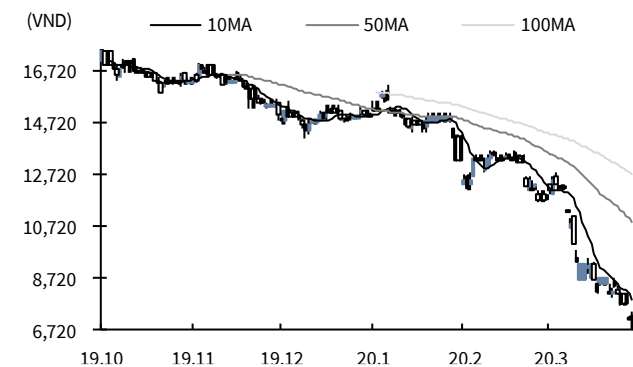
Nhiệt điện Phả Lại (PPC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PPC tăng 0.5% lên 21,100 VNĐ/cp.
- PPC đặt KQKD 2020 với lợi nhuận trước thuế ở mức 765.5 tỷ (-12% YoY), doanh thu đạt 8,277 tỷ (-3% YoY). Công ty cũng đặt mục tiêu sản lượng điện sản xuất là 6,200 triệu kWh (+3.3% YoY), và trả cổ tức tỷ lệ 25% (tương đương mỗi cổ phiếu nhận về 2,500 VNĐ) từ lợi nhuận 2019.

Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVD giảm -6.5% xuống 6,750 VNĐ/cp.
- PVD mới đây thông báo hoạt động kinh doanh trong quý I với lợi nhuận sau thuế ước đạt 27 tỷ đồng (cùng kỳ công ty lỗ 84.7 tỷ đồng), doanh thu ước đạt 1.650 tỷ đồng (+81% YoY). Kết quả tích cực trên được doanh nghiệp lí giải là nhờ các giàn khoan hoạt động liên tục và đơn giá cho thuê tăng gần 10% so với cùng kỳ năm 2019.

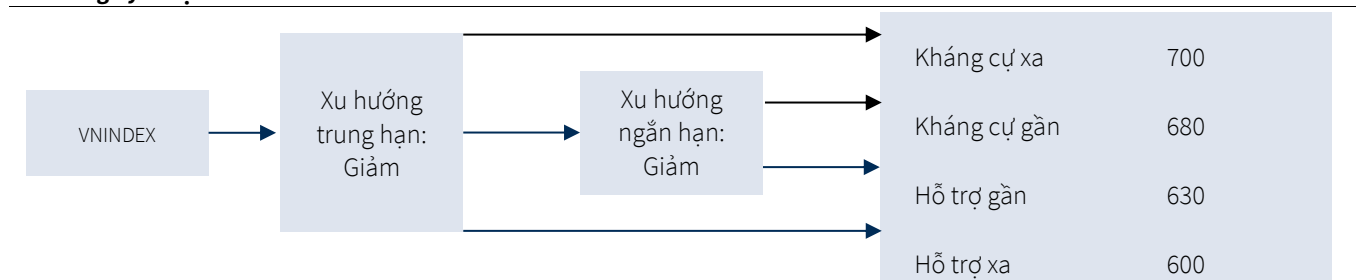
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



- Dù có những thời điểm VNIndex chớm xuyên thủng đáy cũ nhưng chỉ số đã lấy lại cân bằng, chốt phiên với mẫu nến con quay.
- Rủi ro tiếp tục giảm điểm vẫn hiện hữu nhưng chúng tôi cho rằng cơ hội hồi phục ngắn hạn sẽ dần rõ nét hơn khi chỉ số nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ 610-630.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh tại vùng giá thấp, mở lại 1 phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiến tới vùng hỗ trợ đề cập.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 phiên hôm nay tiếp tục giảm nhẹ nhưng có diễn biến cân bằng hơn với sự hình thành của mẫu hình nến doji.
- Mặc dù khả năng tiếp tục điều chỉnh vẫn hiện hữu nhưng chúng tôi cho rằng đà giảm điểm sẽ chậm lại và chỉ số đang dần hội tụ 1 số tín hiệu để sớm bước vào nhịp phục hồi ngắn hạn.
- NĐT được khuyến nghị canh mở vị thế LONG tại những vùng hỗ trợ trong phiên và có thể giữ qua đêm một phần tỷ trọng nếu VN30 rơi xuống dưới mốc 600.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

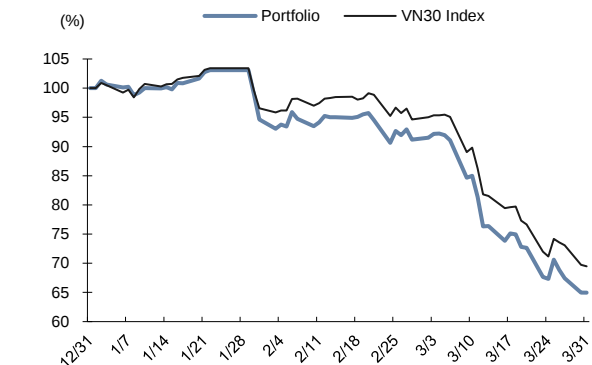
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.37	0.00
Tăng lũy kế (YTD)	-30.52	-35.03

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/03/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	58,900	-10%	-49.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi của ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	20,000	15%	-25.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	46,900	-2.9%	-38.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	13,550	-0.4%	-31.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	27,300	-0.4%	-19.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	41,100	17%	6.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	17,200	-2.8%	-29.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	97,200	0.7%	-24.8%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	16,850	3.1%	-28.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	11,100	0.5%	-19.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	6.4%	98.4%	6.3
VCB	1.6%	23.7%	5.0
POW	0.7%	12.3%	2.9
PLX	2.0%	13.2%	2.8
GAB	1.2%	0.5%	2.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.2%	36.7%	-125.6
VIC	2.5%	14.5%	-72.7
VNM	-0.2%	58.8%	-35.2
HPG	3.1%	36.6%	-27.5
STB	-4.5%	11.8%	-21.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	1.7%	2.5%	1.2
TIG	-2.1%	15.5%	0.5
SHB	2.5%	8.6%	0.1
PVC	0.0%	13.3%	0.1
IDV	-1.9%	14.2%	0.1
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-3.2%	17.0%	-15.0
VHL	-9.9%	17.5%	-0.9
NTP	0.0%	18.6%	-0.3
SHS	1.8%	10.1%	-0.1
DNP	0.6%	0.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	6.5%	VIC, VRE
Bảo hiểm	6.2%	BVH, PGI
Truyền thông	4.9%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	2.7%	VNM, SAB
Dầu khí	1.1%	PLX, PVD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-12.4%	MWG, FRT
Ô tô và phụ tùng	-6.5%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-6.5%	PNJ, MSH
Công nghệ thông tin	-6.4%	FPT, SGT
Dịch vụ tài chính	-5.9%	SSI, HCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-9.2%	CAV, THI
Y tế	-11.7%	OPC, DBD
Thực phẩm và đồ uống	-13.7%	VCF, SSC
Dầu khí	-14.3%	PVD, PLX
Hóa chất	-14.3%	HII, GVR
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-35.1%	MWG, FRT
Truyền thông	-32.2%	YEG, PNC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-29.3%	PNJ, TLG
Ô tô và phụ tùng	-28.2%	TCH, DRC
Ngân hàng	-26.3%	VPB, CTG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại (%, -1đ)	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu , USD mn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1Đ	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	83,400	282,095 (11,945)	86,175 (3.7)	22.1	38.1	18.9	31.3	8.0	14.1	3.3	2.8	2.5	16.6	-20.9	-27.5
	VHM	VINHOMES JSC	55,000	180,923 (7,661)	70,548 (3.0)	34.3	6.7	5.6	35.4	38.2	32.5	2.1	1.6	-1.4	-0.5	-31.6	-35.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	19,150	43,515 (1,843)	60,601 (2.6)	16.9	13.8	11.2	16.0	11.2	12.5	1.5	1.4	0.8	8.2	-32.8	-43.7
	NVL	NOVA LAND INVES	51,900	50,319 (2,131)	33,092 (1.4)	32.4	16.6	14.9	-6.0	12.7	11.9	2.0	-	0.0	-0.2	-3.0	-12.8
	KDH	KHANGDIEN HOUSE	18,500	10,072 (426)	5,824 (0.2)	4.7	8.5	7.8	18.9	14.9	14.2	1.2	1.1	-1.6	-3.4	-24.6	-31.2
	DXG	DAT XANH GROUP	7,750	4,698 (199)	26,345 (1.1)	6.5	2.9	2.2	0.3	17.5	21.2	0.5	-	-7.0	-17.6	-34.6	-46.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	62,000	229,950 (9,737)	93,221 (4.0)	6.3	11.6	9.9	22.3	23.2	21.9	2.1	1.8	1.6	6.9	-24.8	-31.3
	BID	BANK FOR INVESTM	30,850	124,079 (5,254)	47,412 (2.0)	12.1	14.9	11.6	13.1	12.8	12.4	1.5	1.4	-0.2	-2.4	-32.2	-33.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	15,000	52,502 (2,223)	53,734 (2.3)	0.0	4.7	4.0	9.8	17.7	17.8	0.7	0.6	0.7	-6.8	-32.6	-36.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	17,200	64,043 (2,712)	158,952 (6.8)	0.4	6.6	4.5	35.2	13.8	17.0	0.8	0.7	-2.8	-6.0	-33.2	-17.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	16,950	41,320 (1,750)	86,546 (3.7)	0.0	4.2	3.5	16.2	21.1	21.1	0.8	0.6	-6.9	-13.1	-37.7	-15.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	13,550	32,675 (1,384)	117,691 (5.0)	0.0	3.6	3.2	18.9	21.2	20.6	0.7	0.6	-0.4	-8.4	-33.6	-34.9
	HDB	HDBANK	17,800	17,135 (726)	43,113 (1.8)	7.3	4.5	3.9	17.0	21.4	20.7	0.8	0.6	3.2	-6.3	-36.0	-35.4
	STB	SACOMBANK	7,300	13,167 (558)	136,861 (5.9)	11.8	5.1	4.0	39.1	10.1	12.7	0.5	0.4	-4.5	-17.0	-37.1	-27.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	17,150	14,176 (600)	8,798 (0.4)	0.0	3.7	3.5	44.5	25.7	21.6	0.9	-	-6.8	-21.9	-19.9	-18.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	14,650	18,011 (763)	5,337 (0.2)	0.0	19.4	20.0	18.6	5.8	5.3	1.1	1.0	-6.7	-8.4	-14.8	-17.7
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	37,000	27,466 (1,163)	20,221 (0.9)	20.1	20.3	16.5	6.2	8.1	9.1	1.4	1.3	2.8	7.1	-32.6	-46.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	15,200	1,389 (059)	2,351 (0.1)	11.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	3.1	-31.5	-38.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	11,600	6,009 (254)	41,081 (1.8)	48.2	5.9	5.1	-11.4	10.5	11.2	0.6	0.5	0.9	-7.2	-27.0	-35.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	14,200	2,333 (099)	1,487 (0.1)	64.9	3.9	3.3	-14.5	14.1	14.8	0.5	0.5	-4.1	-11.3	-45.4	-51.9
	HCM	HOCHI MINH CITY	11,150	3,405 (144)	21,017 (0.9)	45.9	6.6	3.9	-16.4	12.5	17.7	0.7	0.6	-3.0	-11.2	-35.0	-47.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,350	2,367 (100)	5,238 (0.2)	9.9	6.5	5.0	-4.2	12.5	15.1	0.7	0.7	0.0	-1.3	-15.9	-21.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRY P	91,000	158,465 (6,710)	167,315 (7.2)	41.2	15.8	14.6	4.8	38.3	39.1	5.4	5.0	-0.2	5.7	-12.9	-21.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	123,000	78,878 (3,340)	10,138 (0.4)	36.6	17.2	14.8	7.6	24.4	26.6	4.0	3.7	1.6	6.5	-24.1	-46.1
	MSN	MASANGROUP CORP	49,000	57,278 (2,425)	143,914 (6.2)	12.3	20.1	16.9	-31.4	8.3	8.3	1.4	1.2	-0.2	-0.2	0.0	-13.3
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,200	13,524 (573)	4,668 (0.2)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-3.9	-9.0	-12.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	97,200	50,917 (2,156)	40,249 (1.7)	11.3	11.4	10.1	-5.2	27.2	27.3	2.8	2.7	0.7	0.7	-20.3	-33.5
	GMD	GEMADEPT CORP	14,950	4,439 (188)	6,578 (0.3)	0.0	8.6	8.1	-47.2	9.0	9.0	0.7	0.7	-1.0	-4.8	-21.1	-35.8
	CII	HOCHI MINH CITY	18,100	4,486 (190)	12,821 (0.5)	22.1	5.1	5.3	218.3	17.3	14.5	0.7	0.6	0.6	-3.5	-15.8	-19.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,260	1,850 (078)	40,088 (1.7)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-28.2	-55.1	-81.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	13,800	6,738 (285)	19,290 (0.8)	33.8	8.1	6.1	-12.9	9.6	15.5	1.0	1.0	2.2	-1.8	-25.0	-28.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	44,950	3,429 (145)	12,198 (0.5)	2.3	5.4	6.7	-30.7	7.8	6.1	0.4	-	-6.9	-12.4	-27.8	-12.4
	REE	REE	27,300	8,464 (358)	22,079 (0.9)	0.0	4.9	4.1	-2.0	15.1	15.9	0.7	0.6	-0.4	-3.2	-19.9	-24.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ)	GTGD (VNĐtriệu , USDmn)	Room còn lại (%, -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1Đ	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	54,800	104,884 (4,441)	39,311 (1.7)	45.5	11.3	8.8	-7.0	18.3	22.2	2.0	1.8	0.4	-2.5	-27.7	-41.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	16,250	4,678 (198)	6,001 (0.3)	31.4	6.5	6.1	-2.2	17.5	18.7	1.1	1.1	-2.1	-1.2	-17.5	-24.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	21,100	6,765 (286)	5,311 (0.2)	32.7	6.5	6.5	-4.1	17.8	17.1	1.1	1.0	0.5	1.9	-23.4	-21.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	16,850	46,524 (1,970)	172,499 (7.4)	12.4	5.7	4.7	-3.4	17.2	18.4	0.8	0.7	3.1	-1.5	-24.6	-28.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,450	4,481 (190)	9,471 (0.4)	30.8	8.5	7.8	-7.5	7.2	7.5	0.6	0.6	0.4	0.4	-3.4	-11.6
	DCM	PETROCA MAU FER	5,310	2,811 (119)	3,128 (0.1)	47.2	-	8.7	-	-	-	-	-	-0.7	-5.5	-12.7	-18.3
	HSG	HOA SENG GROUP	4,550	1,926 (082)	22,562 (1.0)	31.3	4.9	3.7	0.0	7.0	8.5	0.3	0.3	-2.2	-10.3	-40.1	-41.7
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	9,390	1,608 (068)	19,329 (0.8)	37.2	4.1	6.9	51.8	14.8	9.0	0.5	0.4	-3.2	-7.0	-24.0	-26.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	36,500	43,465 (1,840)	19,388 (0.8)	6.8	10.6	9.6	11.2	18.4	19.5	2.0	2.1	2.0	-2.7	-29.3	-34.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	6,750	2,843 (120)	41,410 (1.8)	33.8	13.9	7.3	15.2	1.5	3.0	0.2	0.2	-6.5	-17.5	-42.6	-55.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	7,850	2,209 (094)	11,223 (0.5)	20.1	3.3	3.7	6.4	13.3	13.0	0.4	0.5	2.3	3.3	-36.7	-53.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	58,900	26,671 (1,129)	107,794 (4.6)	0.0	5.6	4.7	25.7	33.6	32.2	1.7	1.3	-1.0	-14.4	-44.7	-48.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	46,900	10,561 (447)	49,236 (2.1)	0.0	8.3	7.0	17.1	27.2	27.0	1.9	1.6	-2.9	-8.8	-42.6	-45.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	47,650	1,406 (060)	4,817 (0.2)	68.6	28.7	22.0	-40.0	4.9	6.1	1.4	1.3	-6.9	4.8	-20.8	28.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	11,150	881 (037)	6,406 (0.3)	5.5	3.6	4.0	-15.7	16.8	14.2	0.6	0.5	6.2	-12.2	-47.0	-47.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	33,000	4,471 (189)	22,067 (0.9)	41.0	4.3	4.5	27.7	36.7	30.4	1.4	1.3	-3.9	-11.3	-30.1	-13.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	79,000	10,329 (437)	3,409 (0.1)	45.7	16.2	15.2	4.7	19.0	19.3	2.9	2.7	0.1	4.5	-17.7	-13.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	56,000	4,201 (178)	2,147 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	1.6	1.8	-1.6	3.1
IT	FPT	FPT CORP	41,100	27,877 (1,180)	105,811 (4.5)	0.0	8.1	7.0	19.8	25.0	25.8	1.8	1.6	1.7	-7.6	-25.4	-29.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

